

Tiếng Anh đã trở thành ngôn ngữ quốc tế, ngôn ngữ xóa nhòa mọi khoảng cách. Có những trường hợp đặc biệt trong Tiếng Anh mà mỗi từ của nó có tới hàng ngàn chữ!

Những từ này khiến chúng ta phát âm rất khó, không chỉ đối với những người học Tiếng Anh mà còn đối với cả những người bản xứ nữa.

Bạn đang xem: Antidisestablishmentarianism là gì

Chúng ta hãy cùng đếm ngược từ những từ “ngắn nhất” trong số 10 từ được Topten tổng hợp:

10. Honorificabilitudinitatibus **Từ này có 27 ký tự, xuất hiện trong tác phẩm “Love”s Labour”s Lost” của Shakespeare, với nghĩa là “vinh quang”. Nó là một trong những lâu nhất trong ngôn ngữ Tiếng Anh mà cứ một phụ âm lại xen kẽ với một nguyên âm.**

9. Antidisestablishmentarianism Từ này gồm 28 ký tự, có nghĩa là “sự phản đối việc tách nhà thờ ra khỏi nhà nước” theo giải thích của Dictionary.com. Thủ tướng Anh William Ewart Gladstone (1809- 1898) đã từng trích dẫn từ này trong một bài phát biểu của mình.

Xem thêm: Jang Mi Sinh Năm Bao Nhiêu, Tiểu Sử Ca Sĩ Jang Mi Là Ai

8. Floccinaucihihipilification Từ này gồm 30 ký tự, có nghĩa là “hành động hay thói quen từ chối giá trị của một số thứ nhất định”

7. Pseudopseudohypoparathyroidism

Từ này gồm 30 ký tự này là một loại bệnh do rối loạn gien di truyền, nguyên nhân gây ra bởi sự thiếu hụt canxi.

6. Supercalifragilisticexpialidocious

Từ này gồm 34 ký tự, được nhắc đến trong vở nhạc kịch Mary Poppins bởi nhà soạn nhạc Richard và Robert Sherman. Robert B. Sherman, tác giả ca khúc

Supercalifragilisticexpialidocious trong phim Mary Poppins (1964) và nhiều nhạc phẩm kinh điển trong phim hoạt hình Disney. Từ này mang nghĩa là “tốt” hoặc nó có thể thay thế cho mọi từ khác nếu bạn quên từ mình định nói, thì người khác vẫn sẽ hiểu bạn định nói gì.

Xem thêm: Tiểu Sử Sơn Tùng M-Tp Sinh Năm Bao Nhiêu, Tiết Lộ Chiều Cao, Quê Quán, Năm Sinh Sơn Tùng M

5. Pneumonoultramicroscopicsilicovolcanoconiosis

Từ này gồm 45 ký tự, xuất hiện trong phiên bản thứ 8 của từ điển Webster, có nghĩa là “bệnh ho dị ứng do hít phải nhiều bụi”

4. Aequeosalinocalcalinoceraceoaluminosocupreovitriolic

Từ này gồm 52 ký tự. Tiến sĩ Edward Strother đã sử dụng nó để mô tả vùng biển Bath của Anh.

3.

Lopadotemachoselachogaleokranioleipsanodrimhypotrimmatosilphioparaomelito-katakechymen okichlepikossyphophattoperisteralektryonoptekaphalliokigklopeleiolagoio-siraiobaphetraganopterygon

Từ tiếng Anh gồm 182 ký tự này có xuất xứ từ tiếng Hy Lạp, trong vở hài kịch “Ecclesiazusae” của tác giả Aristophanes (448- 385) người Hy Lạp. Từ này mang nghĩa là các loại thức ăn nhiều gia vị chế biến từ rau và thịt bò.

2. Từ dài kinh khủng dưới đây có tổng cộng 1913 ký tự:

Methionylglutaminylarginyltyrosylglutamylserylleucylphenylalanylalanylglutaminylleucyllysylglutamylarginyllysylglutamylglycylalanylphenylalanylvalylprolylphenylalanylvalylthreonylleucylglycylaspartylprolylglcylisoleucylglutamylglutaminylserylleucyllysylisoleucylaspartylthreonylleucylisoleucylglutamylalanylglcylalanylasparylalanylleucylglutamylleucylglycylisoleucylprolylphenylalanylserylasparylprolylleucylalanylasparylglcylprolylthreonylisoleucylglutaminylaspfraginyalanylthreonylleucylarginylalanylphenylalanylalanylalanylglycylvalylthreonylprolylalanyl-

glutaminylcysteinyphenylalanylgutamylmethionylleucylalanylleucylisoleucylarginylglutaminyllsylhistidylprolylthreonylisoleucylprolylisoleucylglycylleucylleucylmethionyltyrosylalanylasparaginylleucylvalylphenylalanylasparaginyllsylglycylisoleucylaspartyl-glutamylphenylalanyltyrosylalanylgutaminylcysteinyglutamylly-sylvalylglycylvalylaspartylserylvalylleucylvalylalanylaspartylvalylprolylvalylglutaminyglutamylserylalanylprolylphenylalanylarginyl-glutaminyalanylalanylleucylarginylhistidylasparaginylvalylalanyl-prolylisoleucylphenylalanylisoleucylcysteinyprolylprolylaspartylalanyl-aspartylaspartylaspartylleucylleucylarginylglutaminylisoleucylalanyl-seryltyrosylglycylarginylglycyltyrosylthreonyltyrosylleucylleucylseryl-arginylalanylglycylvalylthreonylglycylalanylgutamylasparaginyl-arginylalanylalanylleucylprolylleucylasparaginyllhistidylleucylvalyl-alanyllsylleucyllysylglutamyltyrosylasparaginylalanylalanylprolyl-prolylleucylglutaminyglycylphenylalanylglycylisoleucylserylalanyl-prolylaspartylglutaminyvalyllysylalanylalanylisoleucylaspartylalanyl-glycylalanylalanylglycylalanylisoleucylserylglycylserylalanylisoleucyl-valyllysylisoleucylisoleucylglutamylglutaminyllhistidylasparaginy-lisoleucylglutamylprolylglutamyllysylmethionylleucylalanylalanyl-leucyllysylvalylphenylalanylvalylglutaminylprolylmethionyllysylalanyl-alanylthreonylarginylserine Những ký tự liên tiếp dài loằng ngoằng trên là tên hoá học của một chất chứa 267 loại amino axit enzyme

1. Titin's Chemical Name

Từ này gồm 189.819 ký tự, và chúng ta khó mà có thể viết hết chúng ra được. Nếu viết hết ra thì nó trông giống như một cuốn tiểu thuyết ngắn. Nó là tên nguyên tố hóa học Titin.

Chuyên mục: KHÁI NIỆM

XEM THÊM CÁC THÔNG TIN MỚI NHẤT TẠI: <https://genshinimpactmobile.com>

Bài viết [Antidisestablishmentarianism Là Gì, Nghĩa Của Từ Antidisestablishmentarianism](#) đã xuất hiện đầu tiên vào ngày [GENSHINIMPACTMOBILE.COM](#).

via GENSINIMPACTMOBILE.COM

<https://genshinimpactmobile.com/antidisestablishmentarianism-la-gi-nghia-cua-tu-antidisestablishmentarianism/>